

BẢNG GIÁ DỊCH VỤ XÉT NGHIỆM VI SINH

STT	Tên dịch vụ	Giá
1	Mycobacterium tuberculosis Mantoux	13.000,00
2	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định tính	35.100,00
3	Trứng giun soi tập trung	45.500,00
4	HIV Ab test nhanh	58.600,00
5	Vi khuẩn nhuộm soi	74.200,00
6	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen	74.200,00
7	HBsAg test nhanh	58.600,00
8	Virus test nhanh	261.000,00
9	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) Ag test nhanh	261.000,00
10	Vi khuẩn test nhanh	261.000,00
11	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định lượng	35.100,00
12	Vi nấm soi tươi	45.500,00
13	Trứng giun, sán soi tươi	45.500,00
14	Vi nấm nhuộm soi	45.500,00
15	HCV Ab test nhanh	58.600,00
16	Treponema pallidum test nhanh	261.000,00
17	Trichomonas vaginalis nhuộm soi	45.500,00
18	Vibrio cholerae nhuộm soi	74.200,00
19	Vibrio cholerae soi tươi	74.200,00
20	Neisseria gonorrhoeae nhuộm soi	74.200,00
21	Trichomonas vaginalis soi tươi	45.500,00
22	HBeAg test nhanh	65.200,00
23	HAV Ab test nhanh	130.500,00
24	Chlamydia test nhanh	78.300,00
25	Dengue virus NS1Ag test nhanh	142.500,00
26	Coronavirus Real-time PCR	0,00
27	Test nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2 (Thu phí)	0,00
28	Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR	0,00
29	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm mẫu đơn	0,00
30	HIV đo tải lượng Real-time PCR	771.700,00
31	HCV đo tải lượng Real-time PCR	838.000,00
32	Test nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2 (Trueline Covid-19 Ag Rapid Test)	0,00
33	Test nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2 (Ngân sách)	0,00
34	Test nhanh SARS-CoV-2(Miễn phí)	0,00
35	Test nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2 (cho Cơ sở thu dung điều trị F0)	0,00
36	Test ma túy 4 chân	0,00
37	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường	261.000,00
38	Vi khuẩn kháng thuốc định tính	213.800,00
39	Mycobacterium leprae nhuộm soi	74.200,00
40	Neisseria meningitidis nhuộm soi	74.200,00
41	Helicobacter pylori Ag test nhanh	171.100,00
42	Treponema pallidum soi tươi	74.200,00
43	Treponema pallidum nhuộm soi	74.200,00
44	HBsAb test nhanh	65.200,00

45	HBcAb test nhanh	65.200,00
46	HBeAb test nhanh	65.200,00
47	HIV Ag/Ab test nhanh	107.300,00
48	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi	41.700,00
49	Hồng cầu trong phân test nhanh	71.600,00
50	Đơn bào đường ruột soi tươi	45.500,00
51	Đơn bào đường ruột nhuộm soi	45.500,00
52	Demodex soi tươi	45.500,00
53	Demodex nhuộm soi	45.500,00
54	Phthirus pubis (Rận mu) soi tươi	45.500,00
55	Phthirus pubis (Rận mu) nhuộm soi	45.500,00
56	Sarcoptes scabies hominis (Ghẻ) soi tươi	45.500,00
57	Sarcoptes scabies hominis (Ghẻ) nhuộm soi	45.500,00
58	Taenia (Sán dây) soi tươi định danh	45.500,00
59	Vi nấm test nhanh	261.000,00
60	HIV khẳng định (*)	201.200,00
61	Influenza virus A, B test nhanh	185.700,00
62	Rotavirus test nhanh	194.700,00
63	EV71 IgM/IgG test nhanh	118.000,00